

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản số: 07/2017/DS-ST

Ngày: 06/9/2017

V/v: Tranh chấp chia thừa kế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đình Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Dũng

Bà Đặng Thị Yên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm Anh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Hải - Kiểm sát viên

Ngày 6 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2016/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2016 về “Tranh chấp chia thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2017/QĐST-HPT ngày 18 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn

- Bà Nguyễn Thị T, SN 1959

Trú tại: Số 15 ngách 88/8A, đường Kh L, tổ 11 phường Tr Ph, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;

- Bà Nguyễn Thị X, SN 1938

Trú tại: Số 11 ngách 88/2, đường Kh L, tổ 11 phường Tr Ph, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;

- Bà Nguyễn Thị D, SN 1946

Trú tại: Số 14 ngách 22/107 đường Kh L, tổ 13 phường Tr Ph, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;

- Bà Nguyễn Thị M, SN 1953

Trú tại: Số 10 ngách 88/8A, đường Kh L, tổ 11 phường Tr Ph, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;

- Bà Nguyễn Thị Th, SN 1955

Trú tại: Số 12 ngách 90/37/38 đường Kh L, tổ 19 phường Tr Ph, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;

Bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 15/1/2016 tại VP công chứng Hoàng Mai).

2. Bị đơn : Ông Nguyễn Văn Đ, SN 1951;

Trú tại: Số nhà 7 ngách 50/11 đường Kh L, tổ 12 phường Tr Ph, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan :

- Bà Đỗ Thị M, SN 1955;

Trú tại: Số nhà 7 ngách 50/11 đường Kh L, tổ 12 phường Tr Ph, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(Bà Nguyễn Thị T có mặt tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị M vắng mặt tại phiên tòa) .

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa án, đồng nguyên đơn gồm các bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị T. (Bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T theo Giấy ủy quyền lập ngày 15/1/2016 tại VP công chứng Hoàng Mai) trình bày:

Bố chúng tôi là cụ Nguyễn Văn Qu, sinh năm 1918 (mất năm 1975); mẹ là cụ Trần Thị X, sinh năm 1918(mất năm 2008, không để lại di chúc) ; Bố mẹ chúng tôi sinh được 8 người con bao gồm: Nguyễn Thị X, sinh năm 1938; Nguyễn Thị D, sinh năm 1946; Nguyễn Thị M, sinh năm 1953; Nguyễn Thị Th, sinh năm 1955; Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1951; bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1940 (mất năm 1959 không có chồng con); ông Nguyễn Xuân Nh, sinh năm 1949 (liệt sỹ hi sinh năm 1969 không có vợ con). Ngoài 8 người con đẻ trên bố mẹ chúng tôi không có người con đẻ con nuôi nào khác. Khi còn sống cụ X là xã viên hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Khuyến lương, được nhà nước giao đất nông nghiệp và UBND huyện Thanh Trì thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 787932 ngày 08/2/2001 cho hộ gia đình bà Trần Thị X, diện tích 725m², đây là tiêu chuẩn của gia đình liệt sỹ nên cụ Trần Thị X được cấp riêng một hộ không chung với bất kỳ nhân khẩu nào trong gia đình.

Liên quan đến diện tích đất nông nghiệp cụ X được giao chúng tôi xin trình bày như sau: Cụ X được hợp tác xã giao đất từ những năm 1990, diện tích đất được giao bao gồm cả mặt nước ao cá và khoảng 1 sào đất, đối với diện tích mặt nước ao cá thì cụ X cho ủy quyền cho Hợp tác xã đứng lên cho thuê, còn diện tích đất còn lại thì chị em chúng tôi thay nhau canh tác, sau khi bị thu hồi đất thì diện tích đất cụ X còn lại là 204 m² đất màu tại cánh đồng ven đê sông hồng hiện do bà Nguyễn Thị T đang trực tiếp canh tác trồng ngô.

Ngày 18/1/2011 UBND quận Hoàng Mai thành phố Hà Nội ra Quyết định số 181/QĐ-UBND về việc thu hồi 489,80 m² của hộ bà Trần Thị X sử dụng đất nông nghiệp tại phường Trần Phú để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng khu đất đối ứng C2- Dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải Yên sở. Ngày 19/1/2011 UBND quận Hoàng Mai ra Quyết định số 1440/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Trần Thị X, tại phường Trần Phú để thực hiện công tác GPMB khu đất đối ứng C2- Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý nước thải Yên Sở. Theo phương án thì hộ bà Trần Thị X được bồi thường hỗ trợ số tiền 1.423.286.685 đồng.

Do ông Đ không đồng ý chia di sản thừa kế khoản tiền cụ Trần Thị X được đền bù là 1.423.286.685 đồng nên vào thời điểm đại diện các hộ nhận tiền đền bù từ dự án thì 6 người con của cụ X ủy quyền cho anh Đặng Thanh T nhận số tiền từ dự án (ngày 01/9/2011) gửi ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Hoàng Mai đến ngày 31/1/2013

thì rút tiền ra khỏi ngân hàng được tổng gốc và lãi là 1.510.135.239 đồng. Liên quan đến số tiền đền bù của cụ X thì chị em chúng tôi là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án Hành chính mà Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án này thì chúng tôi đồng ý để ông ông Đặng Thanh T là người nhận số tiền bồi thường từ dự án bàn giao số tiền này với vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị M tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai (Việc giao nhận có sự chứng kiến và lập biên bản của cán bộ đang giải quyết vụ án ngày 06/2/2013). Tuy nhiên sau khi nhận số tiền 1.510.135.239 đồng về vợ chồng ông Đ không chia trả cho chúng tôi kỷ phần thừa kế được hưởng theo quy định của pháp luật, UBND phường Trần Phú tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành do vậy chúng tôi gửi đơn khởi kiện lên Tòa. Yêu cầu cụ thể của chúng tôi như sau: Đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị M chia trả kỷ phần thừa kế theo luật đối với khoản tiền cụ Trần Thị X được hỗ trợ bồi thường do thu hồi đất và khoản lãi phát sinh tổng cộng là 1.510.135.239 đồng. Ngoài yêu cầu trên chúng tôi không có yêu cầu khởi kiện nào khác.

Bản thân chúng tôi chưa hề có bản án, quyết định nào có hiệu lực pháp luật của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc truất quyền thừa kế.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc theo giấy báo của Tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị M không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc theo giấy báo của Tòa.

Tại phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T đồng ý nhận sự ủy quyền của các đồng nguyên đơn khác là các bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị M phải chia trả cho các đồng nguyên đơn kỷ phần thừa kế theo luật đối với số tiền cụ Trần Thị X được hỗ trợ bồi thường do thu hồi đất để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng khu đất đối ứng C2- Dự án đầu tư xây dựng nhà 2 máy xử lý nước thải Yên sở và khoản lãi phát sinh tổng cộng là 1.510.135.239 (Một tỷ năm trăm mười triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn, hai trăm ba mươi chín đồng) cho 6 người con của cụ X, cụ thể mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng là $1.510.135.239 : 6 = 251.689.065$ (Hai trăm năm mươi một triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi lăm đồng). Bà không yêu cầu trích công sức đóng góp duy trì đối với diện tích đất nông nghiệp cụ X được giao. Hiện diện tích đất nông nghiệp còn lại cụ X được giao theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 787932 do Ủy ban nhân dân Huyện Thanh Trì cấp ngày 08/2/2001 là 204 m² là di sản do cụ X để lại nhưng các bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Ngoài yêu cầu khởi kiện trên bà không còn yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tại phiên tòa nhận định.

1. Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và hội đồng xét xử:

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ, tiến hành các hoạt động tố tụng đúng theo quy định của pháp luật và đúng thời hạn luật định.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

2. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị M vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc tại Tòa, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà M là đúng quy định của pháp luật.

3. Về nội dung:

Sau khi phân tích, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai xác định số tiền 1.510.135.239 là di sản thừa kế của cụ Trần Thị X để lại. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị T. Phân chia di sản của cụ X theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị T thuộc những tranh chấp về thừa kế được quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, xét thấy bà Đỗ Thị M cùng ông Nguyễn Văn Đ đang là người trực tiếp quản lý di sản thừa kế đang có tranh chấp nên Tòa án đưa bà Đỗ Thị M tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà M.

[2] Về nội dung

- Về thời điểm mở thừa kế :

Cụ Trần Thị X, sinh năm 1918, mất ngày 20/4/2008 ; thời điểm mở thừa kế của cụ X là ngày 20/4/2008.

Căn cứ Điều 623 BLDS 2015, các bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị T yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Trần Thị X là trong thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản của cụ .

- Người thừa kế theo pháp luật:

Cụ Nguyễn Văn Qu, sinh năm 1918 (mất năm 1975) và vợ là cụ Trần Thị X, sinh năm 1918(mất năm 2008) Hai cụ sinh được 8 người con bao gồm: Nguyễn Thị X, sinh năm 1938; Nguyễn Thị D, sinh năm 1946; Nguyễn Thị M, sinh năm 1953; Nguyễn Thị Th, sinh năm 1955. Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1951; bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1940 (mất năm 1959 không có chồng con); ông Nguyễn Xuân Nhu, sinh

năm 1949 (liệt sỹ hi sinh năm 1969 không có vợ con). Ngoài 8 người con đẻ trên hai cụ không có người con đẻ con nuôi nào khác.

Như vậy các ông bà gồm Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ là những người thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Trần Thị X.

-Chia thừa kế theo pháp luật:

Cụ Trần Thị X mất không để lại di chúc do vậy di sản thừa kế của cụ Trần Thị X được chia theo pháp luật.

- Về di sản:

Cụ Trần Thị X có chồng là cụ Nguyễn Văn Qu, sinh năm 1918 (mất năm 1975) sinh năm 1918(mất năm 2008). Ngày 08/2/2001 cụ X được UBND huyện Thanh Trì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 787932 đối với 725m² đất nông nghiệp cho hộ gia đình bà Trần Thị X, đây là suất đất cấp cho gia đình liệt sỹ nên cụ X đứng một mình một hộ, cụ Nguyễn Văn Qu mất năm 1975 trước thời điểm cụ X được cấp đất do vậy cần xác định diện tích đất nông nghiệp 725m² là tài sản riêng của cụ X.

Sau khi cụ X mất, 1 phần diện tích đất nông nghiệp cụ X được giao bị thu hồi trong dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý nước thải Yên sở là 489,80 m² và được bồi thường hỗ trợ số tiền 1.423.286.685 đồng. Diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi là 489,80 m² là di sản thừa kế do cụ để lại đã chuyển hóa thành tiền đền bù là 1.423.286.685 đồng và khoản lãi phát sinh do gửi số 1.423.286.685 đồng vào ngân hàng là 86.848.550 đồng. Tổng cộng là 1.510.135.239 (Một tỷ năm trăm mười triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn, hai trăm ba mươi chín đồng). Sau khi bị thu hồi thì diện tích đất nông nghiệp cụ X còn lại là 204 m² đất màu do bà Tính trực tiếp canh tác trồng ngô nhưng các đồng nguyên đơn không yêu cầu giải quyết trong vụ án.

Di sản do cụ Trần Thị X để lại có nguồn gốc như sau:

Khi còn sống cụ Trần Thị X được nhà nước giao 725m² đất nông nghiệp và được UBND huyện Thanh Trì thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 787932 ngày 08/2/2001, đây là tiêu chuẩn của gia đình liệt sỹ nên cụ Trần Thị X được cấp riêng một hộ không chung với bất kỳ nhân khẩu nào trong gia đình. khi cụ X còn sống thì diện tích đất được giao bị thu hồi 1 phần.

Sau khi cụ X mất, ngày 18/1/2011 UBND quận Hoàng Mai thành phố Hà Nội ra Quyết định số 181/QĐ-UBND về việc thu hồi 489,80 m² của hộ bà Trần Thị X sử dụng đất nông nghiệp tại phường Trần Phú để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng khu đất đối ứng C2- Dự án đầu tư xây dựng nhà 2máy xử lý nước thải Yên sở.

Theo Quyết định số 1440/QĐ- UBND ngày 19/1/2011 UBND quận Hoàng Mai về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Trần Thị X thì hộ bà Trần Thị X được bồi thường hỗ trợ số tiền 1.423.286.685 đồng.

Như vậy hộ cụ Trần Thị X bị thu hồi trong dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải Yên Sở là 489,80 m² và được bồi thường hỗ trợ số tiền 1.423.286.685 đồng. Số tiền này do ông Đặng Thanh T trực tiếp nhận từ dự án theo sự ủy quyền của các con cụ X để gửi vào ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Hoàng Mai đến ngày 06/2/2013 thì rút tiền ra khỏi ngân hàng. Theo chứng từ giao dịch ngày 06/2/2013 của khách hàng Đặng Thanh T tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Hoàng Mai thể hiện tổng số tiền khách hàng nhận là 1.510.135.239 đồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày

28/4/2017 ông Đặng Thanh T xác nhận vào ngày 06/2/2013 đã giao số tiền 1.510.135.239 cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị M.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đồng nguyên đơn xuất trình các tài liệu chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bị đơn là ông Trần Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Mặc dù ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị M không đưa ra ý kiến về yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn, nhưng căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua việc xét hỏi công khai tại phiên tòa đủ cơ sở xác định số tiền 1.510.135.239 đồng là di sản do cụ Trần Thị X để lại hiện vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị M trực tiếp quản lý.

Từ những nhận định được phân tích ở trên, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo luật của các bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị T. Do vậy số tiền 1.510.135.239 cụ X được hỗ trợ bồi thường và khoản lãi phát sinh để lại được chia làm 6 kỷ phần cho 6 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ X là bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Đ. Mỗi kỷ phần được hưởng là: $1.510.135.239 : 6 = 251.689.065$ (Hai trăm năm mươi một triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi lăm đồng). Ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị M hiện đang giữ toàn bộ số tiền này nên ông Đ và bà M có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị T mỗi người số tiền 251.689.065 (Hai trăm năm mươi một triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi lăm đồng).

Đồng nguyên đơn là bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị T không yêu cầu trích công sức đóng góp duy trì đối với diện tích đất nông nghiệp cụ X được giao và không yêu cầu giải quyết đối với 204 m² đất nông nghiệp còn lại của cụ X nên hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

2.2 Về án phí: Các bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền được hưởng theo quy định tại khoản 7 điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và khoản 2 mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Đ mỗi người phải chịu án phí tương ứng với phần tài sản được hưởng là $251.689.065 \times 5\% = 12.584.453$ (Mười hai triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi ba đồng đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 674; Điều 675; Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 202, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; điểm đ, c Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo luật của Bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị T đối với số tiền đền bù đất nông nghiệp và khoản lãi phát sinh của cụ Trần Thị X.

- Xác định thời điểm mở thừa kế vào ngày cụ Trần Thị X mất là ngày 20/4/2008.

- Xác định di sản của cụ Trần Thị X để lại là tổng số tiền 1.510.135.239 đồng (Một tỷ năm trăm mười triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn, hai trăm ba mươi chín đồng) trong đó tiền bồi thường hỗ trợ thu hồi đất nông nghiệp là 1.423.286.685 và khoản lãi phát sinh là 86.848.550 đồng.

- Xác định di sản thừa kế được chia theo luật.

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Thị Xoa theo pháp luật gồm: Bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Đ.

- Mỗi kỳ phần thừa kế có giá trị là 251.689.065 (Hai trăm năm mươi một triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi lăm đồng).

- Chia cho bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Đ mỗi người được hưởng là 251.689.065 (Hai trăm năm mươi một triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi lăm đồng).

- Ông Nguyễn Văn Đ và vợ là bà Đỗ Thị M có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị T mỗi người 251.689.065 (Hai trăm năm mươi một triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi lăm đồng).

* Về án phí: Bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Đ mỗi người phải chịu 12.584.453 đồng (Mười hai triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trình hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nếu xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai;
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Đình Trung